

Ngày thi: 08/12/2013

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20					25				55	100		
1	1826618635	TRẦN THỊ TRƯƠNG BÍCH	T18XDDB	8					5			8	7.3	Bảy phẩy Ba		
2	1827618633	LÊ XUÂN QUAN	T18XDDB	8					4			10	8.1	Tám phẩy Một		
3	1827618634	MAI ANH TUẤN	T18XDDB	4					10			10	8.8	Tám phẩy Tám		
4	1827618636	LÊ MỸ CƯỜNG	T18XDDB	8					8			6	6.9	Sáu phẩy Chín		
5	1827618637	HUỖNH VĂN QUANG	T18XDDB	6					6			10	8.2	Tám phẩy Hai		
6	1827618638	VÕ CÔNG DANH	T18XDDB	0					0			HP	0.0	Không		
7	1827618639	ĐỖ VĂN TÂY	T18XDDB	0					8			10	7.5	Bảy phẩy Năm		
8	1827618641	TRƯƠNG VĂN CHUÔNG	T18XDDB	0					0			HP	0.0	Không		
9	1827618642	TRẦN TRỌNG TÂM	T18XDDB	0					0			HP	0.0	Không		
10	1827618643	TRẦN MÍ	T18XDDB	8					4			6	5.9	Năm phẩy Chín		
11	1827618644	NGUYỄN VĂN BÒN	T18XDDB	8					4			10	8.1	Tám phẩy Một		
12	1827618645	BÙI HẢI PHONG	T18XDDB	4					8			6	6.1	Sáu phẩy Một		
13	1827618646	NGUYỄN THANH QUANG	T18XDDB	4					8			8	7.2	Bảy phẩy Hai		
14	1827618647	TRẦN VĂN ĐỨC	T18XDDB	8					2			6	5.4	Năm phẩy Bốn		
15	1827618648	NGUYỄN VĂN TÚ	T18XDDB	4					4			6	5.1	Năm phẩy Một		
16	1827618649	NGUYỄN VĂN HỒNG	T18XDDB	4					8			10	8.3	Tám phẩy Ba		
17	1827618650	NGUYỄN TRƯỜNG LONG	T18XDDB	0					0			HP	0.0	Không		
18	1827618651	PHAN VĂN HÙNG	T18XDDB	10					10			8	8.9	Tám phẩy Chín		
19	1827618652	NGUYỄN HỮU THỊNH	T18XDDB	8					4			6	5.9	Năm phẩy Chín		
20	1827618653	NGUYỄN ĐÌNH LÝ	T18XDDB	0					0			HP	0.0	Không		
21	1827618654	NGUYỄN VĂN HOAN	T18XDDB	6					10			10	9.2	Chín phẩy Hai		
22	1827618655	TRẦN PHƯỚC QUÂN	T18XDDB	0					2			6	3.8	Ba phẩy Tám		
23	1827618656	TRẦN VĂN PHÚC	T18XDDB	0					0			HP	0.0	Không		
24	1827618657	LÊ ĐỨC VŨ	T18XDDB	8					4			8	7.0	Bảy		
25	1827618658	NGUYỄN THANH TRỰC	T18XDDB	4					4			6	5.1	Năm phẩy Một		
26	1827618659	HÀ HÀ	T18XDDB	6					8			8	7.6	Bảy phẩy Sáu		
27	1827618660	HỒ XUÂN HÙNG	T18XDDB	4					6			6	5.6	Năm phẩy Sáu		
28	1827618661	PHAN VĂN CHÍNH	T18XDDB	6					4			8	6.6	Sáu phẩy Sáu		
29	1827618662	ĐẶNG XUÂN HÒA	T18XDDB	0					4			8	5.4	Năm phẩy Bốn		
30	1827618663	TÔN MẠNH CƯỜNG	T18XDDB	8					2			8	6.5	Sáu phẩy Năm		
31	1827618664	LÊ VĂN TÂN	T18XDDB	2					2			HP	0.0	Không		
32	1827618665	TRƯƠNG HỒ ANH TÚ	T18XDDB	0					0			HP	0.0	Không		
33	1827618666	NGUYỄN NGỌC HÀ	T18XDDB	4					2			6	4.6	Bốn phẩy Sáu		
34	1827618668	NGUYỄN THANH PHONG	T18XDDB	6					4			10	7.7	Bảy phẩy Bảy		
35	1827618670	PHẠM XUÂN THỚI	T18XDDB	0					6			HP	0.0	Không		
36	1827618672	ĐỖ MẠNH TUẤN	T18XDDB	0					6			HP	0.0	Không		
37	1827618713	NGÔ VĂN Á	T18XDDB	6					6			6	6.0	Sáu		
38	162524493	Trần Thanh Thương	K16PSU-QNH2	6					4			8	6.6	Sáu phẩy Sáu		
39	122230544	Nguyễn Nhật Bách	K13KTR	10					6			10	9.0	Chín		
40	179333648	Huỳnh Phương Ngọc	D17QTHB	6					6			8	7.1	Bảy phẩy Một		
41	14220118	Nguyễn Văn Lực	T14XDD	6					6			8	7.1	Bảy phẩy Một		
42	169212437	Hoàng Minh Hoàng	D16XDDB	6					6			8	7.1	Bảy phẩy Một		
43	142211190	Ngô Quang Chính	K14XDD1	0					4			8	5.4	Năm phẩy Bốn		
44	162524477	Lê Thị Quý Ngọc	K16PSU-QNH2	0					4			8	5.4	Năm phẩy Bốn		

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO				ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOẢ T18XDDB												
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				TÊN MÔN HỌC:		BÓNG CHUYÊN NÂNG CAO						HỌC KỲ		2		
				MÃ MÔN HỌC :		ES-273						TÍN CHỈ		2		
Ngày thi:				08/12/2013						LẦN THI		1				
STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20					25			55	100			
45	162524301	Hoàng Hướng Nhon	K16QNH5	2					2			10	6.4	Sáu phẩy Bốn		
46	169212472	NGUYỄN THẾ THUẬN	D16XDDB	0					4			10	6.5	Sáu phẩy Năm		
47	179123545	Phạm Phương Nam	D17TPMB	2					6			8	6.3	Sáu phẩy Ba		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU				
STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	36	77%	
2	Số sinh viên nợ	11	23%	
TỔNG CỘNG :		47	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 12 năm 2013
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Phùng Văn Thường

Lê Đức Trọng

ThS. Nguyễn Ân